

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

-----

Số: 78931/CT-TTHT

V/v thuế GTGT, thuế nhà thầu đ/v hoạt động  
mua, bán quyền truy cập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

**Kính gửi:** Công ty TNHH Amada Việt Nam  
Đ/c: Số 469 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. MST: 0104202240

Trả lời công văn số 01-08/CV ngày 11/8/2020 của Công ty TNHH Amada Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về thuế GTGT, thuế nhà thầu đối với hoạt động mua, bán quyền truy cập, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin:

+ Tại Khoản 10 Điều 3 giải thích từ ngữ:

*“10. Dịch vụ phần mềm là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm. “*

+ Tại Khoản 3 Điều 9 quy định về các loại sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm:

*“3. Các loại dịch vụ phần mềm bao gồm:*

*a) Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;*

*b) Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;*

*e) Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;*

*d) Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;*

*đ) Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;*

*e) Dịch vụ tích hợp hệ thống;*

*g) Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;*

*h) Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm;*

*i) Các dịch vụ phần mềm khác. “*

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng:

+ Tại Điều 4 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT:

*“21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.*

*Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật”*

+ Tại Điều 11 quy định thuế suất 10%:

*“Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này...”*

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng áp dụng như sau:

*“Điều 1. Đối tượng áp dụng.*

*Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):*

*1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.*

*...”*

+ Tại Khoản 2 Điều 4 quy định người nộp thuế như sau:

*“2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn*

với hàng hoá hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ; mua hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại cho hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms); thực hiện phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ thay cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Bên Việt Nam) bao gồm:

...

Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.”

- Tại Khoản 3 Điều 7 hướng dẫn thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

“3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:

...

Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp: chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm).

“Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm”, “Quyền sở hữu công nghiệp”, “Chuyển giao công nghệ” quy định tại Bộ Luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

...”

+ Tại Điều 8 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo hướng dẫn tại Mục 2 Chương II nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;
2. Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực;
3. Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế.”

+ Tại Điều 11 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu (gọi tắt là phương pháp trực tiếp):

*“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II”*

+ Tại Điều 12 quy định thuế GTGT như sau:

“ ...

*1. Doanh thu tính thuế GTGT*

*a) Doanh thu tính thuế GTGT:*

*Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).*

...

*2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:*

*a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh*

<i>STT</i>	<i>Ngành kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ % để tính thuế GTGT</i>
<i>1</i>	<i>Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị</i>	<i>5</i>
<i>2</i>	<i>Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị</i>	<i>3</i>
<i>3</i>	<i>Hoạt động kinh doanh khác</i>	<i>2</i>

...”

+ Tại Điều 13 quy định thuế TNDN như sau:

“ ...

*1. Doanh thu tính thuế TNDN*

*a) Doanh thu tính thuế TNDN*

Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

...

## 2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
...		
2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	Riêng:	10
	- Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	
	- Dịch vụ tài chính phái sinh	2
...		
8	Thu nhập bản quyền	10

...”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty mua quyền truy cập trang web của nhà thầu nước ngoài (để phân tích chi tiết dữ liệu về máy và quản lý online máy) và bán lại quyền truy cập này cho các khách hàng trong nước thì:

### 1. Về nghĩa vụ thuế nhà thầu:

Thu nhập của nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng điều kiện kê khai, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Công ty có trách nhiệm kê khai, nộp thuế thay nhà thầu nước ngoài. Cụ thể:

- Trường hợp quyền truy cập là dịch vụ phần mềm theo quy định tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP thì thu nhập nhà thầu nước ngoài nhận được do cung cấp quyền truy cập là thu nhập từ tiền bản quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC, tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 10% và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

- Trường hợp quyền truy cập không phải là dịch vụ phần mềm theo quy định tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP thì thu nhập nhà thầu nước ngoài nhận được do cung cấp quyền truy cập là thu nhập từ dịch Vụ, tỷ lệ (%) thuế TNDN là 5%, thuế GTGT là 5% tính trên doanh thu.

2. Về thuế GTGT khi Công ty bán lại quyền truy cập cho các khách hàng tại Việt Nam:

- Trường hợp quyền truy cập là dịch vụ phần mềm theo quy định tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Trường hợp quyền truy cập không phải là dịch vụ phần mềm theo quy định tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT 10%.

Đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông để có căn cứ xác định cụ thể về việc bán quyền truy cập trang web của nhà thầu nước ngoài được nêu tại công văn có phải là hoạt động cung cấp dịch vụ phần mềm hay không, trên cơ sở đó Công ty nghiên cứu các quy định pháp luật nêu trên để thực hiện chính sách thuế phù hợp, đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 2 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH Amada Việt Nam được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Phòng TKT2;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT (2)

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Tiến Trường**